



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuấn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/2/2018)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 60.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- thuyết minh 2(a) và 3(a) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Chính sách kế toán này vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 2(a) và 3(a).
- thuyết minh 9(c) và Thuyết minh 21(ii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 360.510 triệu VND (1/1/2018: 363.057 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.



Kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-203-R



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0339-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.618.033.441.156	2.343.095.113.582
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	1.328.509.180.294	995.440.985.300
Tiền	111		75.307.652.447	49.918.318.633
Các khoản tương đương tiền	112		1.253.201.527.847	945.522.666.667
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		272.647.420.000	303.242.178.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	1.167.720.000	47.062.178.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	271.479.700.000	256.180.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		738.956.855.338	841.687.022.820
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	108.168.508.566	135.755.514.888
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		56.142.880.407	77.284.331.468
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11(a)	99.582.496.750	109.783.108.142
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	475.062.969.615	518.864.068.322
Hàng tồn kho	140	13	242.955.158.348	165.831.278.352
Hàng tồn kho	141		242.955.158.348	165.831.278.352
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.964.827.176	36.893.649.110
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.856.764.537	3.967.905.392
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.759.233.068	32.294.588.769
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(a)	293.829.571	631.154.949
Tài sản ngắn hạn khác	155		55.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.367.468.411.570	6.533.315.014.522
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.827.437.020.881	1.985.932.119.794
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11(b)	1.496.503.933.091	1.652.442.529.361
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	330.933.087.790	333.489.590.433
Tài sản cố định	220		1.218.466.785.974	1.255.782.412.863
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.153.312.627.678	1.189.563.447.563
Nguyên giá	222		1.646.410.490.619	1.631.262.150.380
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(493.097.862.941)	(441.698.702.817)
Tài sản cố định vô hình	227	15	65.154.158.296	66.218.965.300
Nguyên giá	228		80.874.691.210	80.874.691.210
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.720.532.914)	(14.655.725.910)
Tài sản dở dang dài hạn	240		163.127.759.887	125.972.077.969
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	163.127.759.887	125.972.077.969
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(c)	3.055.028.746.867	3.066.500.881.219
Đầu tư vào công ty con	251		2.168.984.655.070	2.154.953.836.070
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.045.808.066.642	1.045.808.066.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		52.409.757.683	52.409.757.683
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(212.173.732.528)	(186.670.779.176)
Tài sản dài hạn khác	260		103.408.097.961	99.127.522.677
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	103.382.097.961	99.101.522.677
Tài sản dài hạn khác	268		26.000.000	26.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.985.501.852.726	8.876.410.128.104

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.361.131.506.162	3.008.197.917.955
Nợ ngắn hạn	310		1.081.691.345.367	735.257.115.738
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	95.220.658.631	89.928.105.629
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.730.773.436	3.965.798.146
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	544.088.566	296.053.511
Phải trả người lao động	314		7.493.872.830	11.742.528.385
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20(a)	7.766.191.046	3.491.194.184
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		426.000.000	426.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	646.386.114.074	399.136.987.389
Vay ngắn hạn	320	22(a)	293.436.220.044	197.181.615.814
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	26.687.426.740	29.088.832.680
Nợ dài hạn	330		2.279.440.160.795	2.272.940.802.217
Chi phí phải trả dài hạn	333	20(b)	25.614.144.000	25.614.144.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.383.100.000	1.526.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		86.372.730	86.372.730
Vay dài hạn	338	22(b)	2.252.356.544.065	2.245.713.785.487
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.624.370.346.564	5.868.212.210.149
Vốn chủ sở hữu	410	24	5.592.968.508.052	5.835.789.558.127
Vốn cổ phần	411	25	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.964.012.065	262.785.062.140
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ/năm trước	421a		7.294.908.483	7.294.908.483
- LNST chưa phân phối kỳ/năm nay	421b		12.669.103.582	255.490.153.657
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	27	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		31.401.838.512	32.422.652.022
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	28	31.401.838.512	32.422.652.022
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.985.501.852.726	8.876.410.128.104

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	529.909.629.011	646.013.143.209
Giá vốn hàng bán	11	31	476.468.874.040	603.105.480.806
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		53.440.754.971	42.907.662.403
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	82.842.913.762	129.742.294.187
Chi phí tài chính	22	33	54.457.175.427	85.259.650.265
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.003.483.279	15.951.084.250
Chi phí bán hàng	25		12.690.896.148	17.331.674.365
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	56.539.125.774	65.690.535.746
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		12.596.471.384	4.368.096.214
Thu nhập khác	31		97.871.862	543.585.426
Chi phí khác	32		25.239.664	923.139.970
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		72.632.198	(379.554.544)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.669.103.582	3.988.541.670
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		12.669.103.582	3.988.541.670

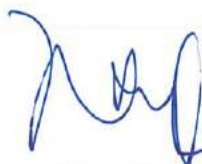
Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
 Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.669.103.582	3.988.541.670
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.199.028.083	49.242.635.607
Các khoản dự phòng	03		25.502.953.352	67.355.057.319
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.182.830.268	328.933.570
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(67.690.116.790)	(125.702.105.812)
Chi phí lãi vay	06		17.003.483.279	15.951.084.250
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		47.867.281.774	11.164.146.604
Biến động các khoản phải thu	09		35.988.103.892	(98.596.111.544)
Biến động hàng tồn kho	10		(77.123.879.996)	(6.266.861.594)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		12.681.457.485	(8.155.799.149)
Biến động chi phí trả trước	12		6.064.603.803	6.347.717.729
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		45.894.458.000	-
			71.372.024.958	(95.506.907.954)
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.948.118.236)	(13.939.447.735)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.439.016.775)	(11.496.052.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.984.889.947	(120.942.408.301)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(71.759.623.302)	(246.748.588.518)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(46.799.700.000)	(83.903.251.050)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		88.330.522.067	210.887.713.641
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(13.000.000.000)	(38.731.390.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		252.878.417.937	282.844.806.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		209.649.616.702	124.349.290.692
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		350.063.589.034	561.565.600.604
Tiền trả nợ gốc vay	34		(275.876.810.630)	(254.636.025.553)
Tiền trả cổ tức	35		(6.544.000)	(54.602.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		74.180.234.404	306.874.972.676
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		331.814.741.053	310.281.855.067
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		995.440.985.300	819.215.662.212
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.253.453.941	(39.006.342)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	1.328.509.180.294	1.129.458.510.937

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:





Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, day tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 989 nhân viên (1/1/2018: 1.186 nhân viên).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được mô tả dưới đây.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau: Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ cùng giảm 10.602 triệu VND (1/1/2018: 12.116 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ giảm và tăng cùng một giá trị là 1.515 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.515 triệu VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là 15 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Chi phí khác

Chi phí khác chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn thủ tục cải cách doanh nghiệp và các chi phí đào tạo. Các khoản chi phí này được phân bổ trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu là từ thu nhập cổ tức được chia từ các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Do việc chia cổ tức thường được các đơn vị nhận đầu tư công bố và xác nhận vào thời điểm cuối năm tài chính, thu nhập từ cổ tức và theo đó lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường thấp trong nửa đầu năm.

Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, thu nhập từ cổ tức của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là 271.968 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 392.671 triệu VND) và lợi nhuận trước thuế đạt 264.171 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 283.576 triệu VND).

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Ngoài các vấn đề được trình bày trong Thuyết minh 2(a), 9(c) và 21(ii), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.117.609.932	1.605.689.971
Tiền gửi ngân hàng	74.152.690.325	48.312.628.662
Tiền đang chuyển	37.352.190	-
Các khoản tương đương tiền	1.253.201.527.847	945.522.666.667
	<hr/>	<hr/>
	1.328.509.180.294	995.440.985.300

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 7.562 triệu VND (1/1/2018: 7.562 triệu VND) tương ứng với khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 21(i)).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2018: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 22(b)).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2018		1/1/2018		Dự phòng giảm giá VND	Dự phòng giảm giá VND		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân	170.000	1.167.720.000	1.292.000.000	-	6.919.185	47.062.178.000	51.893.887.500	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2018		1/1/2018		Dự phòng giảm giá VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn					
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	271.479.700.000	275.808.020.105	256.180.000.000	265.089.956.416	

(*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 6,6% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 5,3% đến 6,6%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2018				1/1/2018					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)
• Công ty TNHH Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(23.107.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(23.107.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.259.101.159	(28.259.101.159)	(*)	67,15%	67,15%	28.259.101.159	(28.259.101.159)	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(8.217.172.495)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(7.805.231.920)	(*)
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nội	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	100,00%	100,00%	485.108.933.064	(76.424.713.418)	(*)	100,00%	100,00%	484.078.114.064	(48.991.009.354)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	193.274.909.291	(76.165.245.456)	(*)	100,00%	100,00%	193.274.909.291	(78.507.936.743)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (ii)	52,00%	52,00%	13.000.000.000	-	(*)	-	-	-	-	(*)
			2.168.984.655.070	(212.173.732.528)				2.154.953.836.070	(186.670.779.176)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2018			1/1/2018						
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Đức Giang (iv)	35,21%	35,21%	48.705.288.796	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.288.796	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP (v)	33,82%	33,82%	96.422.578.752	-	(*)	33,82%	33,82%	96.422.578.752	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt-Tiến (v)	30,40%	30,40%	282.635.440.119	-	(*)	30,40%	30,40%	282.635.440.119	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thăng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			276.937.896.185	-	(*)			276.937.896.185	-	(*)
			1.045.808.066.642	-				1.045.808.066.642	-	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
• Quý Đầu tư Việt Nam	0,82%	0,82%	983.434.274	-	(*)	0,82%	0,82%	983.434.274	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			25.536.838.074	-	(*)			25.536.838.074	-	(*)
			52.409.757.683	-				52.409.757.683	-	
			3.267.202.479.395	(212.173.732.528)				3.253.171.660.395	(186.670.779.176)	

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”); Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 21(ii), tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tính toán và xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần có thể sẽ được điều chỉnh theo kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- (i) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex theo hình thức góp vốn bằng tài sản trị giá 1.031 triệu VND.
- (ii) Ngày 11 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tham gia góp vốn thành lập một công ty con mới, Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng, với số vốn điều lệ là 25.000 triệu VND, trong đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn là 52%.

(*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 16 công ty con cấp 1 và 19 công ty con cấp 2 và 19 công ty con cấp 3. Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	28.533.887.370	1.501.551
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	18.069.816.110	9.142.154.206
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	7.766.072.080	-
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	1.736.842.104	868.421.052
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	3.556.673.252
▪ Các công ty con khác	70.523.970	136.694.580
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	125.062.949	155.700.160
▪ Các công ty liên kết khác	254.102.254	375.102.254
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	8.225.749.140	-
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd	8.704.983.070	-
▪ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	-	10.211.652.691
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	17.749.803.691
▪ Công ty TNHH MTV The Blues	-	10.974.855.015
▪ Xiamen ITG Group Corp., Ltd.	-	10.462.885.116
▪ Ozen Mensucat Boya Terbiye IS L.A.S	-	5.987.152.176
▪ ECOFIL DIS.TIC.A.S	-	5.827.310.607
▪ Winbright (M) Sdn Bhd	-	4.895.326.316
▪ Itochu Coporation Osarm	-	3.028.983.464
▪ Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	-	1.989.097.090
▪ Các khách hàng khác	34.681.469.519	50.392.201.667
	108.168.508.566	135.755.514.888

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu về cho vay các công ty con		
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	66.089.814.936	52.289.814.936
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	8.999.388.608	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 1	-	33.000.000.000
Phải thu về cho vay các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
▪ Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	1.470.042.156	1.470.042.156
	99.582.496.750	109.783.108.142

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 10% (1/1/2018: từ 0% đến 10%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay các công ty con			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	535.083.493.799	530.212.340.697
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 1 (i)	2035	218.609.556.744	216.610.041.473
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 2 (ii)	2019 - 2028	-	104.848.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 3 (ii)	2019 - 2027	-	32.084.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	215.248.659.449	213.279.884.378
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2036	135.395.090.454	134.052.944.101
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iii)	2023	56.000.000.000	64.999.388.608
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	80.884.874.646	81.036.653.097
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (iv)	2019	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3 – Khoản 1 (i)	2035	76.458.309.467	75.758.982.254
▪ Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3 – Khoản 2 (v)	2020	43.176.562.952	63.576.562.952
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	59.660.346.176	59.996.692.397
		1.496.503.933.091	1.652.442.529.361

(i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 22(b)(ii)). Các khoản cho vay này hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.

(ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất cố định 7% một năm. Khoản vay này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Trong năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng vay vốn số 05/HĐ/TĐDMVN-HNSM/MNĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 để Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội thực hiện thủ tục tăng vốn nhà nước tại công ty cổ phần. Do đó, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phân loại lại khoản phải thu về cho vay dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội thành khoản phải thu ngắn hạn khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được điều chỉnh 3 tháng một lần và dao động từ 8% đến 9% một năm.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và không hưởng lãi từ năm 2017.
- (v) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi từ năm 2017.

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải thu	188.454.139.739	374.225.475.780
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (Thuyết minh 11(b)(ii))	136.932.000.000	-
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	52.157.492.003	36.798.951.880
Tiền lãi cho vay	49.744.934.071	67.173.691.163
Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	17.500.000.000	17.500.000.000
Lãi tiền gửi	9.485.143.059	8.909.956.416
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	5.102.833.324	5.102.833.324
Tạm ứng cho công nhân viên	2.125.682.518	2.626.841.891
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.560.744.901	6.526.317.868
	475.062.969.615	518.864.068.322

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	84.068.247.918	82.655.791.576
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	157.068.992.451	19.559.930.024
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	3.445.456.313	2.746.675.518
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	16.673.332.817	29.374.627.621
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	33.989.317.629	34.287.191.263
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	-	10.769.080.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	267.391.740	19.230.237.532
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	9.188.949.492	7.632.632.926
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	52.157.492.003	36.798.951.880
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	20.400.000.000	28.560.000.000
▪ Các công ty con khác	4.898.138.447	11.569.620.525
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	46.920.720.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	24.637.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	-	14.230.339.200
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	12.600.000.000	10.080.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	8.850.670.500
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	-	11.505.823.200
▪ Các công ty liên kết khác	1.892.000.000	18.345.447.686
	396.649.318.810	417.755.239.451

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	153.678.500.495	153.678.500.495
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.354.650.857	5.311.153.500
Khác	2.403.286.359	4.003.286.359
	330.933.087.790	333.489.590.433

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2017.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang thực hiện các thủ tục để bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.

- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3.

13. Hàng tồn kho

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	67.754.272.067	195.007.547
Nguyên vật liệu	114.703.115.982	110.195.329.688
Công cụ và dụng cụ	882.211.613	37.320.774
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.852.891.669	20.865.159.655
Thành phẩm	24.168.717.304	32.242.465.880
Hàng hóa	4.593.949.713	1.107.283.802
Hàng gửi đi bán	-	1.188.711.006
	242.955.158.348	165.831.278.352

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	514.728.808.138	1.022.876.857.028	50.941.477.772	42.715.007.442	1.631.262.150.380
Tăng trong kỳ	373.909.454	4.713.046.633	3.753.200.000	82.138.115	8.922.294.202
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.895.072.637	2.268.391.582	93.211.818	-	6.256.676.037
Phân loại lại	368.437.212	640.299.659	38.269.575	(1.047.006.446)	-
Xóa sổ	-	-	-	(30.630.000)	(30.630.000)
Số dư cuối kỳ	519.366.227.441	1.030.498.594.902	54.826.159.165	41.719.509.111	1.646.410.490.619
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	201.920.172.428	200.715.627.802	21.512.416.977	17.550.485.610	441.698.702.817
Khấu hao trong kỳ	10.564.085.084	34.890.119.567	2.227.236.495	1.863.051.305	49.544.492.451
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.885.297.673	-	-	1.885.297.673
Phân loại lại	639.248.786	(308.973.330)	92.962.744	(423.238.200)	-
Xóa sổ	-	-	-	(30.630.000)	(30.630.000)
Số dư cuối kỳ	213.123.506.298	237.182.071.712	23.832.616.216	18.959.668.715	493.097.862.941
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	312.808.635.710	822.161.229.226	29.429.060.795	25.164.521.832	1.189.563.447.563
Số dư cuối kỳ	306.242.721.143	793.316.523.190	30.993.542.949	22.759.840.396	1.153.312.627.678

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 116.410 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 104.500 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.023.490 triệu VND (1/1/2018: 1.040.631 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 22(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	78.833.849.210	2.040.842.000	80.874.691.210
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.282.632.280	1.373.093.630	14.655.725.910
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	245.441.616	1.064.807.004
Số dư cuối kỳ	14.101.997.668	1.618.535.246	15.720.532.914
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	65.551.216.930	667.748.370	66.218.965.300
Số dư cuối kỳ	64.731.851.542	422.306.754	65.154.158.296

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 535 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	125.972.077.969	125.145.930.499
Tăng trong kỳ	53.402.459.652	171.785.221.536
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.371.378.364)	(7.842.534.244)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.844.580.370)	(12.575.052.635)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (Thuyết minh 9(c))	(1.030.819.000)	-
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	-	(1.975.372.841)
Số dư cuối kỳ	163.127.759.887	274.538.192.315

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	17.326.009.802
Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	6.714.821.764	6.714.821.764
Nhà máy May Cần Thơ	7.492.867.447	7.492.867.447
Nhà máy May Tuyên Quang	10.205.514.823	10.205.514.823
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	107.619.794.307	66.631.675.190
Các công trình khác	13.768.751.744	17.601.188.943
	163.127.759.887	125.972.077.969

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 149.359 triệu VND (1/1/2018: 108.371 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 22(b)).

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 433 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.718 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê nhà xưởng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	32.153.181.363	42.151.515.136	5.747.866.374	12.116.851.492	6.932.108.312	99.101.522.677
Tăng trong kỳ	-	-	1.039.946.206	-	-	1.039.946.206
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	10.844.580.370	10.844.580.370
Phân bổ trong kỳ	(610.542.138)	-	(3.380.190.812)	(1.514.606.436)	(2.098.611.906)	(7.603.951.292)
Số dư cuối kỳ	31.542.639.225	42.151.515.136	3.407.621.768	10.602.245.056	15.678.076.776	103.382.097.961

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 45.159 triệu VND được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (1/1/2018: 46.394 triệu VND) (Thuyết minh 22(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả người bán là các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	4.626.322.181	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	-	2.220.331.644
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	33.359.031	1.170.869.004
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	651.540.292	-
Các công ty con khác	352.602.040	297.453.152
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
Tổng Công ty May 10 – CTCP	2.727.657.221	6.092.704.914
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	722.500.876	3.955.333.800
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	850.530.885	5.322.046.399
Các công ty liên kết khác	2.696.937.202	-
Phải trả người bán khác		
Violar S.A	37.848.637.023	41.604.595
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	2.882.016.215	17.020.434.656
Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam	1.928.956.200	1.928.956.200
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	-	5.316.209.000
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	1.749.367.900	3.781.278.350
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Thịnh Phú	-	3.452.386.017
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	1.955.576.127	2.656.477.385
Các nhà cung cấp khác	36.194.655.438	36.672.020.513
	95.220.658.631	89.928.105.629

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã thu được trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	220.220.199	-	-	220.220.199
Thuế xuất, nhập khẩu	410.596.069	26.497.423	(368.510.997)	68.582.495
<i>Văn phòng</i>	52.763.159	-	-	52.763.159
<i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	357.832.910	-	(342.651.670)	15.181.240
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	1.056.530	(1.056.530)	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	4.437.674	(3.799.578)	638.096
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	21.003.219	(21.003.219)	-
Thuế thu nhập cá nhân	338.681	46.165.125	(43.476.929)	3.026.877
<i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	338.681	33.942.504	(34.281.185)	-
<i>Nhà máy sản xuất vải Yarn Dyed</i>	-	12.222.621	(9.195.744)	3.026.877
Thuế môn bài	-	3.000.000	(1.000.000)	2.000.000
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	3.000.000	(1.000.000)	2.000.000
	631.154.949	75.662.548	(412.987.926)	293.829.571

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2018 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	15.640.303.556	-	-	(15.207.066.910)	433.236.646
Văn phòng	-	5.740.214.998	-	-	(5.740.214.998)	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	1.422.392.061	-	-	(1.412.157.896)	10.234.165
Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	-	24.846.757	-	-	(24.846.757)	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	1.130.051.432	-	-	(1.130.051.432)	-
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	2.204.820.547	-	-	(2.204.820.547)	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	501.548.078	-	-	(501.548.078)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	2.859.392.683	-	-	(2.859.392.683)	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	-	1.757.037.000	-	-	(1.334.034.519)	423.002.481
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	975.296.350	(975.296.350)	-	-
Văn phòng	-	-	468.238.750	(468.238.750)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	3.627.419	(3.627.419)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	503.430.181	(503.430.181)	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2018 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2018 VND
Các loại thuế khác	296.053.511	-	1.132.561.855	(1.317.763.446)	-	110.851.920
+ Thuế môn bài	-	-	31.045.725	(31.045.725)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	26.045.725	(26.045.725)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	296.053.511	-	1.101.516.130	(1.286.717.721)	-	110.851.920
<i>Văn phòng</i>	194.053.311	-	924.639.496	(1.034.530.805)	-	84.162.002
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	70.907.887	-	128.810.622	(184.732.480)	-	14.986.029
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	15.965.805	-	-	(15.965.805)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	4.306.804	-	40.223.453	(39.165.845)	-	5.364.412
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	10.819.704	-	4.361.725	(12.322.786)	-	2.858.643
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	-	3.480.834	-	-	3.480.834
Các khoản phải nộp khác						
Tiền thuê đất	-	-	4.094.083.638	(4.094.083.638)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	2.728.362.463	(2.728.362.463)	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	1.365.721.175	(1.365.721.175)	-	-
	296.053.511	15.640.303.556	6.201.941.843	(6.387.143.434)	(15.207.066.910)	544.088.566

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.456.908.831	1.165.348.585
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.436.318.218	-
Chi phí phải trả khác	1.872.963.997	1.377.173.599
	<hr/>	<hr/>
	7.766.191.046	2.542.522.184
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	7.766.191.046	3.491.194.184
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	25.614.144.000	26.562.816.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	25.614.144.000	25.614.144.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	360.509.747.843	363.057.205.021
Cổ tức phải trả	250.216.859.125	223.403.125
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Lãi vay phải trả	4.219.154.917	2.106.284.873
Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi phân bổ cho công ty con	3.450.195.423	3.055.465.397
Quỹ từ thiện	3.395.248.287	3.395.248.287
Phải trả các công ty liên quan	5.491.968.620	1.269.620.999
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.196.133.969	865.503.388
Các khoản phải trả khác	4.895.469.275	12.152.919.684
	646.386.114.074	399.136.987.389

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May		
Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex		
Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	7.562.091.012	7.562.091.012

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 9(c)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TDDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	107.474.354.058	307.804.406.087	(200.297.648.278)	214.981.111.867
Vay dài hạn đến hạn trả	89.707.261.756	45.200.510.578	(56.452.664.157)	78.455.108.177
	197.181.615.814	353.004.916.665	(256.750.312.435)	293.436.220.044

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	USD	1,7 - 2,9	160.704.672.021	19.792.177.830
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	1,7 – 2,9	54.276.439.846	50.763.657.289
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Xuân	USD	1,7 – 2,0	-	34.887.367.673
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế	USD	1,7 – 2,0	-	2.031.151.266
			214.981.111.867	107.474.354.058

Các khoản vay ngắn hạn còn số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 không có tài sản đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8	2025	103.041.892.771	105.365.502.515
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	9,4	2025	56.756.405.940	56.756.405.940
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2039	1.608.980.503.372	1.592.255.045.441
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	8,5	2027	3.375.000.000	3.625.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	5,12	2027	156.607.880.000	172.740.530.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	4,054 - 4,825	2028	179.909.898.903	208.771.450.895
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	VND	9,4	2028	21.677.377.267	23.411.567.449
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	VND	8,6	2025	4.745.371.071	4.745.371.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	4,3 - 4,97	2025	33.990.669.020	4.665.222.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	8,8	2024	52.542.532.842	52.542.532.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	4,7	2024	86.358.953.116	85.469.576.075
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (vii)	USD	2,5	2024	19.064.227.600	21.311.902.675
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (vii)	VND	9,9	2024	3.760.940.340	3.760.940.340
				2.330.811.652.242	2.335.421.047.243
				(78.455.108.177)	(89.707.261.756)
				2.252.356.544.065	2.245.713.785.487

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 254.640 triệu VND (1/1/2018: 259.532 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 206.390 triệu VND (1/1/2018: 214.092 triệu VND);
 - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
 - các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2018: 110.000 triệu VND); và
- Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.
- (iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 tổng cộng là 259.440 triệu VND (1/1/2018: 260.675 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 372.219 triệu VND (1/1/2018: 376.767 triệu VND).
- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 107.620 triệu VND (1/1/2018: 66.632 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn, và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 10.206 triệu VND (1/1/2018: 10.206 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (vii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Cần Thơ bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn, và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 7.493 triệu VND (1/1/2018: 7.493 triệu VND).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	29.088.832.680	28.124.725.788
Trích lập trong kỳ	5.490.153.657	13.385.248.595
Sử dụng trong kỳ	(7.891.559.597)	(4.937.146.500)
Phân phối cho các công ty con	-	(2.156.386.873)
Số dư cuối kỳ	26.687.426.740	34.416.441.010

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	270.680.157.078	543.092.845.223	5.843.684.653.193
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	3.988.541.670	-	3.988.541.670
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.385.248.595)	-	(13.385.248.595)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	11.283.450.153	543.092.845.223	5.584.287.946.268
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	5.000.000.000.000	29.911.650.892	262.785.062.140	543.092.845.095	5.835.789.558.127
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	12.669.103.582	-	12.669.103.582
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.490.153.657)	-	(5.490.153.657)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	5.000.000.000.000	29.911.650.892	19.964.012.065	543.092.845.095	5.592.968.508.052

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	30/6/2018 VND	%	1/1/2018 VND
Số cổ phiếu	267.438.100		267.438.100
		53,49%	2.674.381.000.000
			53,49%
Nhà nước	35.000.000	7,00%	700.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	50.000.000	10,00%	500.000.000.000
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	65.000.000	13,00%	150.000.000.000
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	30.000.000	6,00%	300.000.000.000
Ông Bùi Mạnh Hưng	52.561.900	10,51%	675.619.000.000
Các cổ đông khác			
	500.000.000	100%	5.000.000.000.000

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho các bên khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2017 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2016: 250.000 triệu VND).

27. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

30/6/2018 và 1/1/2018
VND

Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000

543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	32.422.652.022	34.738.974.825
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(1.020.813.510)	(1.295.509.293)
	31.401.838.512	33.443.465.532

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.186.141	50.127.985.750	1.146.896	25.893.515.342
EUR	174	4.624.524	179	4.836.653
		50.132.610.274		25.898.351.995

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	310.152.292.584	294.029.253.353
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	120.923.658.669	109.170.049.757
	431.075.951.253	403.199.303.110

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Bán hàng	501.040.158.769	588.865.838.155
Dịch vụ gia công	-	35.977.969.411
Cung cấp dịch vụ	-	4.800.564.185
Doanh thu cho thuê	28.869.470.242	16.368.771.458
	529.909.629.011	646.013.143.209

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Hàng hoá đã bán	458.565.010.783	539.550.595.959
Dịch vụ gia công	-	52.289.459.829
Dịch vụ đã cung cấp	-	4.284.377.027
Giá vốn cho thuê	17.903.863.257	6.981.047.991
	476.468.874.040	603.105.480.806

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	37.436.742.472	35.634.876.608
Cổ tức	30.253.374.318	90.067.229.204
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	12.053.186.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	415.888.985	1.464.140.842
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.683.721.487	2.576.047.533
	82.842.913.762	129.742.294.187

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí lãi vay	17.003.483.279	15.951.084.250
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	25.502.953.352	67.071.220.479
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	216.927.794	1.171.824.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.182.830.268	328.933.570
Các chi phí tài chính khác	1.550.980.734	736.587.533
	54.457.175.427	85.259.650.265

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí nhân viên	15.908.622.213	20.194.839.563
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.849.656.658	8.255.062.874
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	2.561.749.231	409.266.870
Chi phí thuê đất và nhà cửa	10.728.297.096	10.369.816.013
Công tác phí	3.751.963.274	3.962.166.239
Chi phí thuế, phí và lệ phí	579.488.667	1.462.073.295
Chi phí điện, nước, điện thoại	829.480.666	2.938.483.543
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.329.867.969	18.098.827.349
	56.539.125.774	65.690.535.746

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	357.667.617.250	373.735.964.311
Chi phí nhân viên	36.515.062.045	54.447.163.839
Chi phí khấu hao và phân bổ	50.199.028.083	49.242.635.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.913.041.876	98.192.496.471
Chi phí khác	38.067.126.447	26.953.241.160

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.669.103.582	3.988.541.670
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	2.533.820.716	797.708.334
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	780.362.971	631.332.255
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	2.736.491.177	16.584.405.252
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(6.050.674.864)	(18.013.445.841)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu		Chi tiết doanh thu		Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng và Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018	Doanh thu hoạt động tài chính VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	120.788.570.034	38.923.710.736	81.864.859.298	-	393.322.603
2	Các đơn vị phụ thuộc					
	Trung tâm xử lý nước thải KCN	1.305.238	-	1.305.238	-	(120.431.104)
	Dệt May Phó Nổi	25.713	-	25.713	-	(2.934.224)
	Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	121.235.880.072	120.933.351.898	204.656.312	97.871.862	141.290.538
	Nhà máy Sợi Phú Hưng					
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May	29.769.496.371	29.752.106.508	17.389.863	-	253.650.290
	Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	18.310.902.487	18.305.514.677	5.387.810	-	1.633.893
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	173.054.240.724	172.815.229.167	239.011.557	-	4.815.148.185
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	145.052.542.751	144.543.680.746	508.862.005	-	6.170.850.003
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	4.637.451.245	4.636.035.279	1.415.966	-	1.016.573.398
	Trung tâm Thời trang Vinatex					
3	Tổng cộng	612.850.414.635	529.909.629.011	82.842.913.762	97.871.862	12.669.103.582

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.930.000	2.349.222.623
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.102.447.424	686.874.627
Thu nhập lãi vay	504.952.175	811.176.086
Hoàn trả gốc vay	6.600.000.000	-
Hoàn trả lãi phí vay	1.202.192.884	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Mua thêm vốn cổ phần	-	38.731.390.000
Doanh thu gia công	12.586.183.480	3.081.660.463
Mua hàng hóa	832.117.000	-
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.920.083.258	1.933.032.235
Hoàn trả lãi phí vay	3.382.984.463	-
Cổ tức	14.615.621.769	14.615.621.769
<i>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa	2.180.001.600	1.069.588.800
Doanh thu cho thuê	1.377.207.947	2.446.796.747
Mua hàng hóa	223.064.274	306.691.100
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	14.725.216.183	4.944.324.822
Thu nhập tiền lãi	-	25.819.444
Hoàn trả lãi phí vay	8.441.275.377	6.500.000.000
Cổ tức	-	29.927.036.800
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	1.224.095.325	16.073.023.212
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	6.007.255.188	1.961.095.232
Hoàn trả lãi phí vay	3.430.542.112	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Bán hàng hóa	-	5.074.084.196
Mua hàng hóa	-	9.319.345.984
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng		
Phát triển Châu Á	2.242.256.268	734.696.293
Hoàn trả lãi phí vay	2.187.258.422	-
Cổ tức	-	9.584.700.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Thu nhập tiền lãi	2.836.466.472	1.747.137.409
Doanh thu khác	33.860.000	295.454.545
Bán hàng hóa	4.631.315.174	-
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng		
Phát triển Châu Á	3.732.901.012	271.950.922
Hoàn trả lãi phí vay	1.995.377.532	-
Mua hàng hóa	3.619.815.271	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	1.346.135.000	9.422.943.262
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Cổ tức	-	2.635.419.732
Điều chỉnh giảm cổ tức ghi nhận từ năm trước	468.040.376	-
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng		
Phát triển Châu Á	1.661.497.783	401.836.884
Hoàn trả lãi phí vay	1.827.639.751	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Mua dịch vụ	99.831.250	4.550.934.944
Bán hàng hóa	18.475.969.392	7.767.044.937
Doanh thu cho thuê	5.000.000.000	-
Cổ tức	1.556.316.566	3.928.635.788
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Cho vay	-	3.023.251.050
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Cung cấp dịch vụ	-	1.160.318.416
Doanh thu cho thuê	1.732.134.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi	872.767.123	1.005.555.556
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	-	385.606.800

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	-	824.474.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Bán hàng hóa	-	1.388.206.476
Điều chỉnh tài sản để góp vốn	1.030.819.000	445.620.762
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Bán hàng hóa	83.704.424.793	-
Doanh thu cho thuê	12.161.313.403	-
Mua hàng hóa	2.052.660.733	-
Góp vốn	13.000.000.000	-
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cung cấp dịch vụ	-	268.181.818
Mua hàng hóa	-	152.643.050
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cung cấp dịch vụ	-	136.363.636
Mua hàng hoá	6.864.383.721	4.339.072.230
Cổ tức	-	6.301.800.000
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	6.953.392.000	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hoá	-	8.681.519.349
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Bán hàng hóa	166.320.000	1.618.078.295
Cổ tức	2.520.000.000	-
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Mua hàng hoá	580.730.588	5.757.671.286
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Cung cấp dịch vụ	-	273.964.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	-	13.405.920.000
Mua hàng hóa	1.017.307.299	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế		
Bán hàng hóa	-	4.570.928.448
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		
Thù lao đã trả	2.896.844.547	3.014.738.418

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tiền lãi cho vay từ khoản cho các công ty con vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á nhập gốc cho vay	12.910.125.343	12.456.314.390
Lãi vay nhập gốc vay	2.375.511.831	15.750.312.180
Tặng đầu tư vào công ty con thông qua điều chuyển tài sản (Thuyết minh 16)	1.030.819.000	445.620.762
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	4.526.480.000	-
Tặng khoản phải thu khác do điều chuyển phần chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	-	1.975.372.841
Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản phải trả người bán	-	3.544.388.653

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017; số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc